

Số: /BC-UBND

Vân Hà, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2023
và biện pháp thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2024**
(Trình tại kỳ họp thứ 9, HĐND xã khóa XXIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Phần thứ nhất ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đầu năm công tác thu ngân sách đã được nhận định là khó khăn và thách thức, do UBND huyện giao thu về các chỉ tiêu, sắc thuế cao so với thực tế tại địa phương.

Trên địa bàn xã có rất nhiều hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, qua rà soát thì đa phần các hộ chưa đến ngưỡng phải nộp các loại thuế. Một số hộ đã ngừng hoạt động, sản xuất kinh doanh hoặc chỉ đăng ký kinh doanh để vay vốn hoặc mắc điện 3 pha.

Thuế sử dụng đất PNN, do tờ khai ban đầu của các hộ chưa chuân nên dẫn đến sai diện tích giữa thực tế và thông báo nộp. Do vậy nó ảnh hưởng trực tiếp đến công tác thu thuế sử dụng đất PNN.

Trước những khó khăn đó, với sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND và sự điều hành của UBND, đã chỉ đạo các ngành có liên quan, các thôn nhất là bộ phận được giao nhiệm vụ thu ngân sách triển khai tốt các chủ trương và nhóm giải pháp của nhà nước để thực hiện nhiệm vụ ngân sách như: sớm chỉ đạo giao nhiệm vụ thu ngân sách cho các bộ phận thực hiện, rà soát công tác quản lý sử dụng đất 5% của các thôn, việc quản lý sử dụng quỹ đất công ích và đất công cơ bản ổn định, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, các chính sách miễn giảm thuế, gia hạn nộp thuế đã được triển khai đồng bộ kịp thời sau khi có sự chỉ đạo của UBND huyện.

II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

1. Kết quả ước thực hiện thu ngân sách năm 2023

Tổng thu ngân sách xã năm 2023 ước thực hiện là: **11,703,729,430** đồng, đạt 164.12% so với dự toán năm.

Chi tiết các nguồn thu như sau:

1. Thuế GTGT: 45,193,823 đồng đạt 56.49 % DT năm;
2. Thuế thu nhập cá nhân từ SXKD: 22,848,912 đồng đạt 45.70 % DT năm;
3. Thuế thu nhập cá nhân từ CN BĐS: 15,781,775 đồng đạt 31.56 % DT năm;
4. Lệ phí trước bạ nhà, đất: 9,360,445 đồng đạt 46.80 % dự toán năm;
5. Lệ phí môn bài: 41,300,000 đồng đạt 165.20% DT năm;
6. Phí và lệ phí: 37.500.000 đồng đạt 187.50 % DT năm;
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 22,361,000 đồng đạt 63.89% DT năm;
8. Thu tại xã: 441,100,000 đồng đạt 98.02% dự toán năm;
9. Thu chuyên nguồn: 1,309,527,475 đồng;
10. Thu bổ sung cân đối: 4.003.000.000 đồng;
11. Thu bổ sung có mục tiêu: 5,755,756,000 đồng.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Kết quả ước thực hiện chi ngân sách năm 2023

2.1. Tổng chi ngân sách ước thực hiện năm 2023 là: 10,553,039,083 đồng đạt 96.10% so dự toán đầu năm, trong đó:

A. Chi đầu tư xây dựng: 5,327,678,000 đồng

B. Chi thường xuyên: 5,225,361,083 đồng đạt 92.43% dự toán năm.

Chi tiết các khoản chi như sau:

1. Chi công tác QP và DQTV: 343,000,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
2. Chi an ninh trật tự: 78,220,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
3. Chi sự nghiệp giáo dục: 30,000,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
4. Chi sự nghiệp y tế, dân số: 24,780,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
5. Sự nghiệp văn hóa: 102,000,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
6. Sự nghiệp phát thanh: 67,000 đồng, đạt 100% dự toán năm.
7. Sự nghiệp thể dục thể thao: 23,000,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
8. Sự nghiệp kinh tế: 90,000,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
9. Sự nghiệp môi trường: 180,000,000 đồng đạt 100% dự toán năm.
10. Sự nghiệp xã hội: 526,350,300 đồng đạt 98.24% dự toán năm.

11. Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 3,941,010,783 đồng đạt 98.42 % dự toán năm, trong đó:

- Quản lý nhà nước: 2,316,435,283 đồng đạt 99.02% dự toán năm;
- Hội đồng nhân dân: 313,336,000 đồng đạt 94.95% dự toán năm;
- Hoạt động Đảng ủy: 558,749,700 đồng đạt 99.07% dự toán năm;
- Mặt trận tổ quốc: 197,590,600 đồng, đạt 95.18% dự toán năm;
- Hội người cao tuổi: 8,500,000 đồng, đạt 100% dự toán năm;
- Hội Chữ thập đỏ: 8,500,000 đồng, đạt 100% dự toán năm;
- Đoàn Thanh niên: 156,599,200 đồng đạt 94.85% dự toán năm;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 122,100,000 đồng đạt 100% dự toán năm;
- Hội Nông dân: 149,100,000 đồng đạt 100% dự toán năm;
- Hội Cựu chiến binh: 110,100,000 đồng đạt 100% dự toán năm.

12. Chi khác: 4,480,000 đồng đạt 20.36% dự toán năm.

13. Chi dự phòng ngân sách: 0 đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

1. Đánh giá chung về công tác thu ngân sách năm 2023

Công tác thu ngân sách năm 2023 đã được các cấp uỷ đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo UBND xã đã chỉ đạo cơ quan thu, các ngành, các cấp đã có nhiều cố gắng, thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường kiểm soát các nguồn thu, rà soát cá nhân kinh doanh, lập bộ thuế khoán năm 2023. Một số chỉ tiêu thu vượt kế hoạch đầu năm như: Lệ phí môn bài và phí lệ phí. Bên cạnh đó thì rất nhiều chỉ tiêu chưa đạt như: Thuế GTGT; Thuế thu nhập cá nhân từ SXKD; Thuế thu nhập cá nhân từ CN BDS; Lệ phí trước bạ nhà, đất; Thuế sử dụng đất PNN. Một số chỉ tiêu tuy chưa hoàn thành song tổng thu vẫn đạt kế hoạch và vượt so với huyện giao.

Khó khăn trong thực hiện công tác thu: Dự toán huyện giao thu một số chỉ tiêu đầu năm cao như: thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân, phí lệ phí; mà tình hình thực tế tại địa phương không thể thực hiện được. Đồng thời năm 2023 kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đều bị suy thoái.

2. Đánh giá kết quả chi ngân sách năm 2023

Công tác chỉ đạo điều hành chi ngân sách thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật NSNN và bám sát dự toán đã được HĐND thông qua. Năm 2023 ngân

sách đảm bảo nguồn kinh phí chi thường xuyên và cơ bản đáp ứng kịp thời. Các bộ phận được sử dụng dự toán đã sử dụng nguồn kinh phí được giao đúng mục đích và chấp hành nghiêm chế độ kế toán.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chi do dự toán bố trí cho trạm y tế chưa đảm bảo cho thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 huyện Việt Yên, UBND xã đã xin ý kiến Thường trực HĐND xã điều chỉnh giảm nguồn chi hoạt động quản lý nhà nước để tăng cho dự toán y tế số tiền 14,780,000 đồng (Thông báo số 38/TB-HĐND ngày 31/10/2023 của HĐND xã về việc Thông báo kết luận của Thường Trực HĐND xã tại phiên họp thường kỳ tháng 10/2023. UBND xã bổ sung tăng dự toán cho quản lý nhà nước số tiền 12.151.000 đồng theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của chủ tịch UBND huyện Việt Yên về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên, Bắc Giang. Dự toán điều chỉnh tăng, giảm đã được thông qua phòng Tài chính – kế hoạch và gửi KBNN nhập dự toán. Đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương trong năm.

Bên cạnh đó việc điều hành chi ngân sách còn một số hạn chế là:

Việc xây dựng và phân bổ dự toán đầu năm cơ bản mới căn cứ vào định mức, chế độ, chưa dự báo được hết nhiệm vụ phát sinh, nên trong quá trình điều hành ngân sách còn phải điều chỉnh, bổ sung. Một số bộ phận được giao quản lý chi chưa chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ nên tiến độ giải ngân sự nghiệp kinh tế chậm và thường tập trung vào cuối năm, chưa bám vào dự toán được giao, chưa thực hiện thanh quyết toán kịp thời các khoản đã chi.

Phần thứ 2

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ kết quả đã đạt được trong việc thực hiện thu - chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Việt Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho UBND xã Vân Hà thực hiện.

Căn cứ các quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn năm 2024, Dự toán thu, chi ngân sách xã Vân Hà năm 2024 được xây dựng và phân bổ như sau:

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG VÀ PHÂN BỔ

1. Dự toán thu NSNN năm 2024 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế

xã hội; xây dựng dự toán thu NSNN trên tinh thần tích cực, tính đúng, tính đủ theo quy định và chính sách thu hiện hành; đảm bảo không thấp hơn dự toán thu NSNN tỉnh giao về tổng số và chi tiết các chỉ tiêu thu ngân sách.

2. Dự toán chi đã tính theo định mức và mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng;

3. Bố trí các nhiệm vụ chi theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định gắn với yêu cầu tiết kiệm triệt để, phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù của địa phương, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

II. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

Hầu hết các chỉ tiêu thu trên địa bàn đều xây dựng bằng chỉ tiêu huyện giao. Nguồn thu bổ sung có mục tiêu chủ yếu là để thanh toán cho huấn luyện dân quân, chi sự nghiệp môi trường và các công trình xây dựng trên địa bàn do ngân sách cấp trên đầu tư.

Nhiệm vụ thu ngân sách xã năm 2024 được xây dựng: 5,473,000,000đồng, trong đó:

Thu trên địa bàn(CCT quản lý): 258,000,000đồng

Thu trên địa bàn (do xã quản lý): 500,000,000đồng

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4,715,000,000đồng

(Chi tiết có Phụ lục 03 chi tiết đính kèm)

III. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Nhiệm vụ chi ngân sách được xây dựng là: 5,473,000,000đồng. Trong đó:

Chi đầu tư XD CB: 0đồng,

Chi thường xuyên và các hoạt động sự nghiệp là: 5,473,000,000đồng

(Có phụ lục 04 chi tiết đính kèm)

IV. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

1. Về thu ngân sách

Nhiệm vụ thu ngân sách năm 2024 là rất nặng nên cần có sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, HĐND và có biện pháp chỉ đạo cụ thể của UBND.

Thực hiện quản lý chặt chẽ quỹ đất công ích và các nguồn thu phí, lệ phí, xây dựng kế hoạch thực hiện thu theo chỉ tiêu được giao.

Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành chuyên môn, đội thuế xã trong việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhất là trong lĩnh vực thu tại xã và trong lĩnh vực thuế ngoài quốc doanh.

2. Về chi ngân sách

Thực hiện nghiêm túc việc điều hành chi theo dự toán đã được HĐND thông qua, và Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Việt Yên về việc giao chỉ tiêu dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công năm 2024. Với mục tiêu là các khoản chi nằm trong dự toán nếu đủ điều kiện thì phải đáp ứng kịp thời. Tất cả các khoản chi phải căn cứ vào dự toán năm, khối lượng công việc thực hiện, khả năng ngân sách tại thời điểm chi để thực hiện cho phù hợp.

Thực hiện tốt công tác điều hành thu chi ngân sách đảm bảo đúng nguyên tắc đúng thủ tục theo Luật ngân sách hiện hành. Thực hiện chi ngân sách theo quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm dân chủ, công khai và thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí.

Trong quá trình chỉ đạo điều hành ngân sách xã nếu có phát sinh nhiệm vụ mới làm thay đổi tổng thu, tổng chi hoặc phát sinh nhiệm vụ cần thiết đề nghị HĐND xã cho phép UBND xã điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách xã theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo đánh giá ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 và kế hoạch dự toán ngân sách xã năm 2024 do UBND xã đã lập để trình tại kỳ họp thứ 9 HĐND xã khoá XXIV nhiệm kỳ 2023-2026./.

Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ, HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã
- Đại biểu HĐND xã;
- Đại biểu dự kỳ họp HĐND xã;
- Các ngành, 03 thôn;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Mỹ

UBND XÃ VÂN HÀ**TỔNG HỢP****ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN 2024***(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND xã Vân Hà)***I. TỔNG HỢP ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023**

STT	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Thực hiện	Tỉ lệ % so DT năm
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	6,271,000,000	11,703,729,430	186.63
A	Thu trên địa bàn (do Chi cục thuế quản lý)	280,000,000	194,345,955	69.41
1	Thuế ngoài quốc doanh	80,000,000	45,193,823	56.49
	- Thuế GTGT	80,000,000	x45,193,823	56.49
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
2	Thuế thu nhập cá nhân	100,000,000	x38,630,687	38.63
	+ Thuế thu nhập CN từ SXKD	50,000,000	22,848,912	45.70
	+ Thuế thu nhập cá nhân từ CN BDS	50,000,000	x15,781,775	31.56
3	Lệ phí trước bạ	x20,000,000	x,360,445	x46.80
4	Lệ phí môn bài	25,000,000	41,300,000	165.20
5	Phí, lệ phí	20,000,000	37,500,000	187.50
6	Thu tiền sử dụng đất			
7	Thuế SD đất phi nông nghiệp	35,000,000	22,361,000	63.89
8	Thu tiền phạt		8,199,000	
B	Các khoản thu do xã quản lý (giao thầu đồ ngang)	450,000,000	441,100,000	98.02
C	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1,309,527,475	
D	Thu Bổ sung từ ngân sách cấp trên	,541,000,000	9,758,756,000	176.12
1	Thu bổ sung cân đối	4,121,000,000	4,003,000,000	97.14
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1,420,000,000	5,755,756,000	405.33

II. TỔNG HỢP ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu chi	Dự toán chi đầu năm 2023	Dự toán chi sau điều chỉnh, bổ sung năm 2023	Ước TH năm 2023	TL % so với DT sau ĐC-BS
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	6,271,000,000	10,980,909,000	10,553,039,083	96.10
I	Chi đầu tư phát triển	1,000,000,000	5,327,678,000	5,327,678,000	100.00
1	Khu tập kết rác thải xã Vân Hà		46,922,000	46,922,000	
2	Cải tạo trạm y tế xã Vân Hà hạng mục: mái che, cửa đi		140,000,000	140,000,000	
3	Hệ thống điện đường chiếu sáng trục xã Vân Hà, huyện Việt Yên		3,935,756,000	3,935,756,000	
4	Đường nội thôn Yên Viên, xã Vân Hà (đoạn từ nghĩa trang Liệt Sĩ đi hết cụm Công nghiệp làng nghề)		50,000,000	50,000,000	
5	Đường trục chính nội đồng (đoạn từ nhà ông Mai Đáp đi đồng vùng và từ nghĩa trang đi đồng Trời)	1,000,000,000	1,155,000,000	1,155,000,000	
II	Chi thường xuyên	5,271,000,000	5,653,231,000	5,225,361,083	92.43
1	Chi Quốc phòng	313,000,000	343,000,000	343,000,000	x100
2	Chi an ninh trật tự	40,000,000	x78,220,000	x78,220,000	x100
3	Chi sự nghiệp giáo dục	30,000,000	30,000,000	30,000,000	100
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số.	10,000,000	24,780,000	24,780,000	x100
5	Chi sự nghiệp văn hoá	102,000,000	102,000,000	102,000,000	100
6	Chi sự nghiệp phát thanh	67,000,000	67,000,000	67,000,000	x100
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao (Đại hội 30trđ)	23,000,000	23,000,000	23,000,000	100
8	Chi sự nghiệp kinh tế, trong đó:	130,000,000	90,000,000	90,000,000	100.00
	SN nông nghiệp	30,000,000			
	SN giao thông	30,000,000	30,000,000	30,000,000	
	SN Thủy lợi	60,000,000	60,000,000	60,000,000	

	SN Tiêu thụ công nghiệp và DV khác	10,000,000			
9	Chi SN môi trường	180,000,000	180,000,000	180,000,000	100
10	Chi sự nghiệp xã hội	490,000,000	535,800,000	526,350,300	98.24
	Hưu xã, (Trợ cấp + BHYT)	440,000,000	485,800,000	485,125,300	
	Chi đảm bảo xã hội khác	50,000,000	50,000,000	41,225,000	
11	Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể	3,689,000,000	4,004,431,000	3,941,010,783	98.42
11.1	Chi hoạt động quản lý NN,	2,072,000,000	2,339,431,000	2,316,435,283	99.02
	Lương,PC theo lương, Công tác phí, thuê lao động (các khoản đóng góp CB, BHXH,BHYT, BHTN, KPCĐ))	1,580,000,000	1,580,000,000	1,559,798,300	
	Tiền chè, nước	6,000,000	6,000,000	14,000,000	
	Tiền điện thoại, internet	10,000,000	10,000,000	5,350,483	
	Tiền báo	3,000,000	3,000,000	4,489,000	
	Tiền điện sinh hoạt	60,000,000	60,000,000	55,534,100	
	Tiền nước sạch	6,000,000	6,000,000	2,832,400	
	Chi thường xuyên khác	407,000,000	674,431,000	674,431,000	
11.2	Chi Hoạt động HĐND	330,000,000	330,000,000	313,336,000	94.95
	PC ĐBHNĐ, lương phó CTHĐ (các khoản đóng góp CB, BHXH,BHYT))	250,000,000	250,000,000	233,336,000	
	Chi hoạt động HĐND xã	80,000,000	80,000,000	80,000,000	
11.3	Hoạt động đảng	564,000,000	564,000,000	558,749,700	99.07
	Lương+PC CB đảng, ĐUV, BTCB, PBTCB	444,000,000	444,000,000	439,061,300	
	Điện thoại, internet	6,000,000	6,000,000	4,620,000	
	Chi Báo đảng (02 chi bộ NN, báo ND và BG)	8,000,000	8,000,000	9,068,400	
	Chi KP kiểm tra, giám sát cấp ủy cấp xã	6,000,000	6,000,000	6,000,000	

	Chi hoạt động Đảng	100,000,000	100,000,000	100,000,000	
11.4	Hoạt động MTTQ	183,600,000	207,600,000	197,590,600	95.18
	Lương, PC CB MTTQ xã, NCT,MT thôn	163,000,000	175,000,000	174,990,600	99.99
	Chi Thanh tra nhân dân	6,000,000	6,000,000	6,000,000	
	Chi Ban giám sát đầu tư cộng đồng		10,000,000		
	Hoạt động MTTQ,	14,600,000	16,600,000	16,600,000	
11.5	HĐ hội người cao tuổi,	8,500,000	8,500,000	8,500,000	100
11.6	Hoạt động hội chữ thập đỏ	8,500,000	8,500,000	8,500,000	100
11.7	Hoạt động đoàn thanh niên	141,100,000	165,100,000	156,599,200	94.85
	Lương, PC CB đoàn xã, thôn	129,000,000	153,000,000	144,499,200	
	Chi hoạt động đoàn thanh niên	12,100,000	12,100,000	12,100,000	
11.8	Hoạt động hội phụ nữ	122,100,000	122,100,000	122,100,000	100
	Lương, PC cán bộ phụ nữ xã, thôn	110,000,000	110,000,000	106,744,200	
	Chi hoạt động hội phụ nữ	12,100,000	32,100,000	32,100,000	
11.9	Hoạt động nội nông dân	149,100,000	149,100,000	149,100,000	100
	Lương, PC cán bộ nông dân xã, thôn	112,000,000	112,000,000	108,456,300	
	Chi hoạt động hội nông dân	12,100,000	12,100,000	12,100,000	
	Đại hội ND	25,000,000	25,000,000	25,000,000	
11.1	Hoạt động hội CCB	110,100,000	110,100,000	110,100,000	100
	Lương, PC cán bộ CCB xã, thôn	98,000,000	102,000,000	94,457,400	
	Chi hoạt động hội CCB xã	12,100,000	17,800,000	24,800,000	
12	Chi khác	22,000,000	22,000,000	4,480,000	20.36
13	Dự phòng ngân sách:	175,000,000	175,000,000		

III. TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024	Trong đó	
			Điều tiết NS huyện	Điều tiết NS xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	5,521,000,000	48,000,000	5,473,000,000
A	Thu trên địa bàn (do Chi cục thuế quản lý)	306,000,000	48,000,000	258,000,000
1	Thuế ngoài quốc doanh	108,000,000	28,000,000	80,000,000
	<i>Thuế GTGT</i>	<i>80,000,000</i>		<i>80,000,000</i>
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>28,000,000</i>	<i>28,000,000</i>	
2	Thuế thu nhập cá nhân	60,000,000	15,000,000	45,000,000
	<i>Thuế thu nhập CN từ SXKD</i>	<i>30,000,000</i>		<i>30,000,000</i>
	<i>Thuế thu nhập cá nhân từ CN BĐS</i>	<i>30,000,000</i>	<i>15,000,000</i>	<i>15,000,000</i>
3	Lệ phí trước bạ	10,000,000	5,000,000	5,000,000
4	Lệ phí môn bài	50,000,000		50,000,000
5	Phí, lệ phí	40,000,000		40,000,000
6	Thu tiền sử dụng đất	-		
7	Thuế SD đất phi nông nghiệp	38,000,000		38,000,000
B	Các khoản thu do xã quản lý (đò ngang+khác)	500,000,000		500,000,000
C	Thu Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,715,000,000	-	4,715,000,000
1	Thu bổ sung cân đối	4,452,000,000		4,452,000,000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	263,000,000		263,000,000

IV. TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu chi	Dự toán chi	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	5,473,000,000	
I	Chi đầu tư phát triển	-	
II	Chi thường xuyên	5,473,000,000	
1	Chi Quốc phòng	326,000,000	
2	Chi an ninh trật tự	85,000,000	
	Chi Dân phòng	46,000,000	
	Chi hoạt động	39,000,000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục	15,000,000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số.	10,000,000	
	Chi sự nghiệp y tế,	6,000,000	
	Chi sự nghiệp dân số	4,000,000	
5	Chi sự nghiệp văn hoá	101,000,000	
6	Chi sự nghiệp phát thanh	74,000,000	
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	25,000,000	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	140,000,000	
	Trong đó; - SN nông nghiệp	20,000,000	
	SN giao thông(Cải tạo bê tông xi măng công trình: Đường ngõ ra trường Mầm non xã Vân Hà)	90,000,000	
	SN Thủy lợi	20,000,000	
	SN Tiểu thủ công nghiệp và DV khác	10,000,000	
9	Chi sự nghiệp môi trường	90,000,000	
10	Chi đảm bảo xã hội	579,000,000	
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	30,000,000	

	Hưu xã, (Trợ cấp + BHYT)	529,000,000	
	Chi đảm bảo xã hội khác	20,000,000	
11	Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể	3,902,000,000	
11.1	Chi hoạt động quản lý NN,	2,019,100,000	
	Lương, PC theo lương, Công tác phí, thuê lao động (các khoản đóng góp CB, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ))	1,776,000,000	
	Tiền chè, nước	13,000,000	
	Tiền điện thoại, internet	5,500,000	
	Tiền báo	4,500,000	
	Tiền điện sinh hoạt	55,000,000	
	Tiền nước sạch	3,000,000	
	Chi thường xuyên khác	162,100,000	
11.2	Chi Hoạt động HĐND	343,000,000	
	PC ĐBHNĐ, lương phó CTHĐ (các khoản đóng góp CB, BHXH, BHYT))	263,000,000	
	Chi hoạt động HĐND xã	80,000,000	
11.3	Hoạt động đảng	653,200,000	
	Lương+PC CB đảng, ĐUV, BTCB, PBTCTB	483,000,000	
	Điện thoại, internet	4,700,000	
	Chi Báo đảng (02 chi bộ NN, báo ND và BG)	9,500,000	
	Chi KP kiểm tra, giám sát cấp ủy cấp xã	6,000,000	
	Chi hoạt động Đảng	150,000,000	
11.4	Hoạt động MTTQ	257,600,000	
	Lương, PC CB MTTQ xã, NCT, MT thôn	197,000,000	
	Chi Thanh tra nhân dân	6,000,000	
	Hoạt động MTTQ,	14,600,000	
	Đại hội MTTQ	40,000,000	
11.5	HĐ hội người cao tuổi,	8,500,000	

11.6	Hoạt động hội chữ thập đỏ	8,500,000	
11.7	Hoạt động đoàn thanh niên	201,100,000	
	Lương, PC CB đoàn xã	184,000,000	
	Chi hoạt động đoàn thanh niên	12,100,000	
	Đại hội Liên hiệp Thanh niên	5,000,000	
11.8	Hoạt động hội phụ nữ	140,100,000	
	Lương, PC cán bộ phụ nữ xã	128,000,000	
	Chi hoạt động hội phụ nữ	12,100,000	
11.9	Hoạt động nội nông dân	138,100,000	
	Lương, PC cán bộ nông dân xã	126,000,000	
	Chi hoạt động hội nông dân	12,100,000	
11.1	Hoạt động hội CCB	132,800,000	
	Lương, PC cán bộ CCB xã	115,000,000	
	Chi hoạt động hội CCB xã	12,100,000	
	Chi Đề án 01	5,700,000	
12	Chi khác	25,000,000	
13	Dự phòng ngân sách:	101,000,000	